

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 562/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1374/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/201/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc Q, sinh năm 1994; Địa chỉ: Đường B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

(Chị N và anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, chị Bùi Thị Thanh N là nguyên đơn trình bày:

Chị với anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/9/2016.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Khi chị mang thai thì anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi chị sinh con thì anh Q bỏ nhà đi theo người phụ nữ đó hơn 1 năm. Vì con còn nhỏ, chị vẫn còn tình cảm với anh Q nên chị đã tha thứ khi anh Q quay về với gia đình.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc. Vào tháng 7/2020, chị phát hiện anh Q đang có tình cảm với người phụ nữ khác, chị thuê nhà sống riêng. Trong thời gian chị và anh Q sống ly thân, anh Q công khai đưa người phụ nữ đó về sống chung, bỏ mặc chị và con. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Gia P, sinh ngày 23/02/2017, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

2. Bị đơn – anh Phạm Ngọc Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q nhưng anh Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

3.1 Về việc tuân theo pháp luật:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2 Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị N yêu cầu ly hôn với anh Q. Anh Q cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa chị N và anh Q là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hôn nhân chỉ bền vững khi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét, chị N yêu cầu ly hôn với anh Q do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, anh Q có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh Q tham gia hòa giải để hòa giải, động viên chị N và anh Q hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh Q không đến Tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị N, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Chị N đang trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia P, sinh ngày 23/02/2017 và có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử giao cho chị N nuôi con theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh N được ly hôn với anh Phạm Ngọc Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về con chung: Chị N được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Gia P, sinh ngày 23/02/2017.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

AA/2019/0027248 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào